

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt các mỏ đất làm vật liệu san lấp tại các xã: Ea Kar, Ea Ô, Cư Yang, Ea Păl, Ea Kly, tỉnh Đắk Lắk thuộc khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 715/BQLDAGTNN-XDCT2 ngày 27/5/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk bổ sung tọa độ khép góc khu vực khoáng sản làm vật liệu thông thường phục vụ thi công Dự án Hồ chứa nước Krông Pách Thượng giai đoạn 2;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 581/TTr-SNNMT ngày 24/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt các khu vực mỏ đất làm vật liệu san lấp tại các xã: Ea Kar, Ea Ô, Cư Yang, Ea Păl, Ea Kly, tỉnh Đắk Lắk, phục vụ thi công Dự án Hồ chứa nước Krông Pách Thượng giai đoạn 2 (theo tiêu chí quy định tại khoản 5 Điều 143 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ), thuộc khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, thông tin chi tiết các khu vực theo bảng sau:

STT	Tên mỏ, vị trí khu vực khai thác	Tọa độ VN-2000, kinh tuyến 108 ^o 30' múi chiều 3 ^o			Diện tích (ha)	Loại khoáng sản
		Điểm góc	X (m)	Y (m)		
1	Mỏ vật liệu số 1 (MVL KBGD2-1); Xã Cư Yang	1	1402493,00	512069,70	4,5	Đất san lấp
		2	1402496,80	512067,40		
		3	1402521,50	512081,30		
		4	1402592,80	511964,70		
		5	1402553,00	511947,10		
		6	1402533,80	511933,00		
		7	1402511,20	511908,80		
		8	1402500,80	511889,30		
		9	1402481,60	511891,30		
		10	1402470,30	511889,40		
		11	1402470,90	511883,80		
		12	1402410,70	511882,80		
		13	1402380,60	511960,20		
		14	1402414,00	511976,90		
		15	1402309,20	512053,20		
		16	1402366,90	512207,00		
		17	1402397,30	512202,90		
		18	1402459,90	512093,50		
		19	1402479,30	512104,00		
2	Mỏ vật liệu số 2 (MVL KBGD2-2); Xã Ea Păl	1	1409853,80	506033,70	1,6	Đất san lấp
		2	1409902,40	506050,10		
		3	1409917,40	505874,60		
		4	1409878,60	505869,40		
		5	1409830,00	505861,80		
		6	1409815,73	505856,37		
		7	1409806,09	506028,18		
3	Mỏ vật liệu số 3 (MVL KBGD2-3); Xã Ea Păl	1	1409024,90	505440,70	2,4	Đất san lấp
		2	1408974,50	505426,40		
		3	1408904,80	505554,60		
		4	1408852,40	505633,30		
		5	1408911,00	505687,20		
		6	1408917,70	505689,20		
		7	1409046,46	505537,78		
4	Mỏ vật liệu số 4 (MVL KBGD2-4); Xã Ea Kar	1	1409588,10	500315,10	2,4	Đất san lấp
		2	1409670,90	500216,70		
		3	1409712,40	500203,00		
		4	1409799,50	500211,30		
		5	1409947,00	500230,00		
		6	1409962,02	500166,45		
		7	1409708,00	500144,93		
		8	1409659,79	500155,90		
		9	1409629,55	500182,43		
		10	1409554,46	500288,62		

5	Mỏ vật liệu số 5 (MVL KBGD2-5); Xã Ea Kar	1	1407509,70	501735,10	3,5	Đất san lấp
		2	1407489,30	501675,40		
		3	1407623,10	501461,40		
		4	1407739,96	501513,36		
		5	1407553,42	501783,65		
6	Mỏ vật liệu số 6 (MVL KBGD2-6); Xã Ea Kar	1	1407203,65	499332,76	5	Đất san lấp
		2	1407202,56	499359,71		
		3	1407121,61	499369,62		
		4	1407112,14	499402,73		
		5	1407117,55	499445,65		
		6	1407170,59	499440,71		
		7	1407159,46	499485,56		
		8	1407135,22	499534,99		
		9	1407026,43	499558,32		
		10	1407003,21	499531,96		
		11	1406991,69	499507,05		
		12	1406970,66	499489,84		
		13	1406934,63	499355,29		
		14	1406943,29	499330,15		
		15	1407048,77	499295,69		
		16	1407158,86	499248,47		
7	Mỏ vật liệu số 8 (MVL KBGD2-8); Xã Ea Kly	1	1404877,50	495007,40	2,6	Đất san lấp
		2	1404744,10	494882,20		
		3	1404803,40	494798,17		
		4	1405027,19	494976,60		
8	Mỏ vật liệu số 9 (MVL KNGD2-1); Xã Cư Yang	1	1397768,10	512627,00	1,7	Đất san lấp
		2	1397783,00	512614,80		
		3	1397781,20	512596,60		
		4	1397785,70	512583,00		
		5	1397776,20	512561,10		
		6	1397759,60	512552,30		
		7	1397747,80	512542,00		
		8	1397741,30	512536,30		
		9	1397725,60	512520,20		
		10	1397677,90	512523,60		
		11	1397663,20	512515,90		
		12	1397651,00	512561,00		
		13	1397630,20	512556,20		
		14	1397622,70	512573,20		
		15	1397614,00	512581,50		
		16	1397608,00	512599,90		
		17	1397579,70	512587,00		
		18	1397574,10	512589,10		
		19	1397566,50	512586,40		
		20	1397557,80	512589,80		
		21	1397593,90	512611,80		
		22	1397649,70	512647,20		
		23	1397657,90	512655,40		

		24	1397673,50	512638,90		
		25	1397690,10	512653,80		
		26	1397713,00	512641,90		
		27	1397724,60	512640,40		
		28	1397737,40	512643,50		
		29	1397744,10	512641,70		
9	Mô vật liệu số 10 (MVL KNGĐ2-2); Xã Ea Ô	1	1403037,10	506434,40	0,6	Đất san lấp
		2	1402997,20	506402,70		
		3	1403081,00	506315,50		
		4	1403123,90	506354,00		
10	Mô vật liệu số 11 (MVL KNGĐ2-3); Xã Ea Ô	1	1403810,70	504649,90	1,9	Đất san lấp
		2	1403988,70	504780,80		
		3	1404054,026	504707,9209		
		4	1403859,736	504583,4749		

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường: rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét cấp phép hoạt động khoáng sản không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản nêu trên theo quy định.

2. Giao UBND các xã Ea Kar, Ea Ô, Cư Yang, Ea Păl, Ea Kly: tổ chức quản lý hoạt động khoáng sản theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Giao Văn phòng UBND tỉnh (*Trung tâm Công nghệ và Công thông tin điện tử tỉnh*) đăng tải công khai Quyết định này trên trang thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và là một bộ phận của Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 24/3/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công thương, Tài chính, Dân tộc và Tôn giáo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các xã Ea Kar, Ea Ô, Cư Yang, Ea Păl, Ea Kly và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục ĐC&KS Việt Nam;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phòng: NNMT, CNXD;
- Trung tâm CN&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTKT (ttd_03b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

